

BÁO CÁO SỐ LIỆU

THI THỬ LẦN 3 THPT CHUYÊN NGOẠI NGỮ 2018.04.22

1. ĐIỂM KẾT LUẬN 3 MÔN TOÁN – VĂN – NGOẠI NGỮ

1.1. Thống kê miêu tả điểm kết luận 3 môn Toán – Văn - Ngoại ngữ

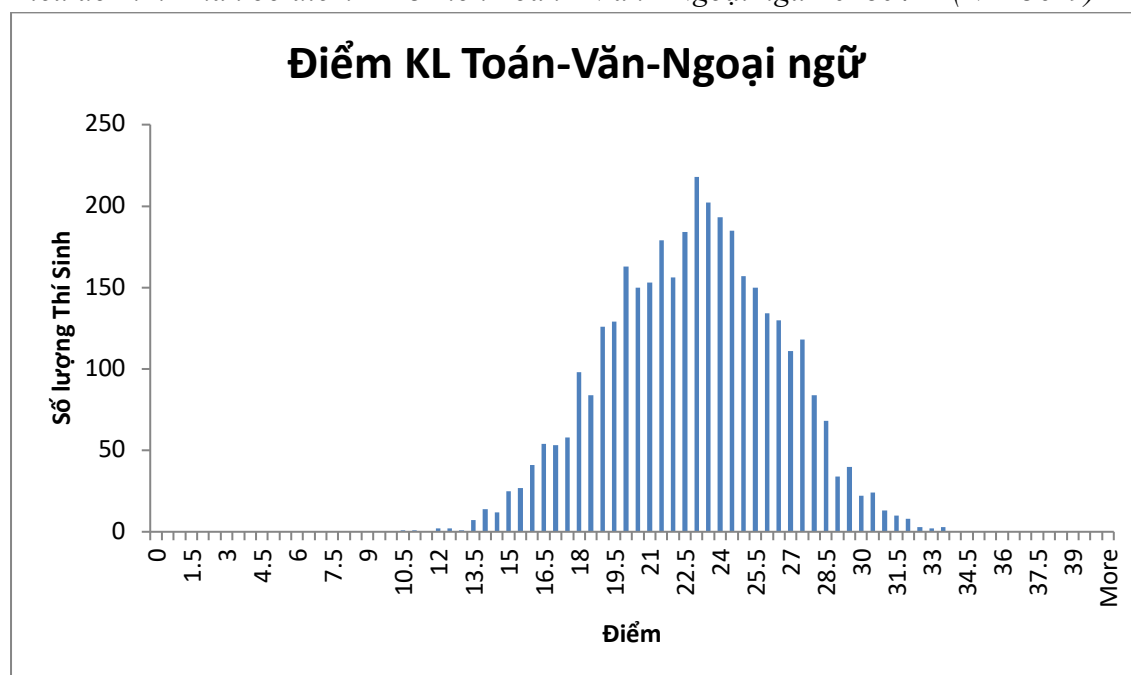
Bảng 1.1: Phân bố điểm kết luận 3 môn Toán – Văn - Ngoại ngữ 20180422 (N = 3629)

Tổng số thí sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3629	10.47	33.41	22.62/40	22.95	3.62	-.07	-.29

Bảng 1.2. Bảng tần số các mức điểm kết luận 3 môn Toán – Văn - Ngoại ngữ 20180422 (N = 3629)

Mức điểm	Tần số	Mức điểm	Tần số	Mức điểm	Tần số	Mức điểm	Tần số
10-10.5	1	16-16.5	54	22-22.5	184	28-28.5	68
10.5-11	1	16.5-17	53	22.5-23	218	28.5-29	34
11-11.5	0	17-17.5	58	23-23.5	202	29-29.5	40
11.5-12	2	17.5-18	98	23.5-24	193	29.5-30	22
12-12.5	2	18-18.5	84	24-24.5	185	30-30.5	24
12.5-13	1	18.5-19	126	24.5-25	157	30.5-31	13
13-13.5	7	19-19.5	129	25-25.5	150	31-31.5	10
13.5-14	14	19.5-20	163	25.5-26	134	31.5-32	8
14-14.5	12	20-20.5	150	26-26.5	130	32-32.5	3
14.5-15	25	20.5-21	153	26.5-27	111	32.5-33	2
15-15.5	27	21-21.5	179	27-27.5	118	33-33.5	3
15.5-16	41	21.5-22	156	27.5-28	84	33.5-34	0
Tổng số				3629			

Biểu đồ 1.1: Phân bố điểm KL 3 môn Toán – Văn - Ngoại ngữ 20180422 (N = 3629)



Đã có 3629 thí sinh dự thi đầy đủ 3 môn Toán – Văn – Ngoại ngữ và có điểm kết luận cuối cùng. Phân bố điểm kết luận 3 môn T-V-NN gần với phân bố chuẩn. Số liệu phân tích cho thấy nhìn chung bài thi phù hợp với năng lực thí sinh và có khả năng phân loại tốt năng lực của thí sinh.

1.2. Thống kê miêu tả điểm kết luận 3 môn Toán – Văn – Tiếng Anh

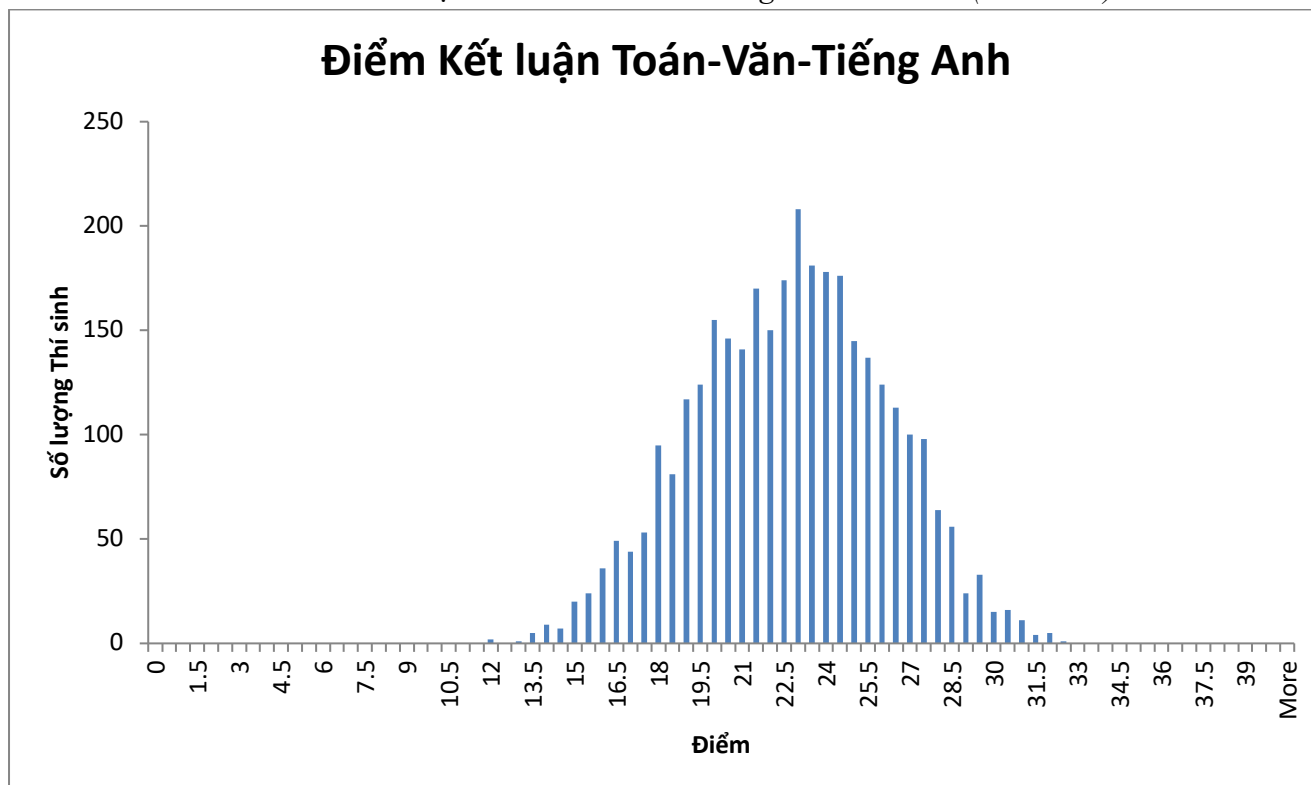
Bảng 1.3: Phân bố điểm kết luận 3 môn Toán-Văn-Tiếng Anh 20180422 (N = 3292)

Tổng số thí sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3292	11.85	32.03	22.51/40	22.95	3.44	-0.07	-.38

Bảng 1.4. Bảng tần số các mức điểm KL 3 môn Toán – Văn - Anh 20180422 (N = 3292)

Mức điểm	Tần số	Mức điểm	Tần số	Mức điểm	Tần số	Mức điểm	Tần số
12.5-13	1	17.5-18	95	22.5-23	208	27.5-28	64
13-13.5	5	18-18.5	81	23-23.5	181	28-28.5	56
13.5-14	9	18.5-19	117	23.5-24	178	28.5-29	24
14-14.5	7	19-19.5	124	24-24.5	176	29-29.5	33
14.5-15	20	19.5-20	155	24.5-25	145	29.5-30	15
15-15.5	24	20-20.5	146	25-25.5	137	30-30.5	16
15.5-16	36	20.5-21	141	25.5-26	124	30.5-31	11
16-16.5	49	21-21.5	170	26-26.5	113	31-31.5	4
16.5-17	44	21.5-22	150	26.5-27	100	31.5-32	5
17-17.5	53	22-22.5	174	27-27.5	98	32-32.5	1
Tổng cộng							3292

Biểu đồ 1.2: Phân bố điểm Kết luận 3 môn Toán-Văn-Tiếng Anh 20180422 (N = 3292)



Có 3292 thí sinh dự thi đầy đủ 3 môn Toán – Văn – Tiếng Anh. Phân bố điểm kết luận 3 môn Toán-Văn-Tiếng Anh gần với phân bố chuẩn. Số liệu phân tích cho thấy nhìn chung bài thi phù hợp với năng lực thí sinh và có khả năng phân loại tốt năng lực của thí sinh.

2. ĐIỂM TOÁN & KHTN 2018.04.22

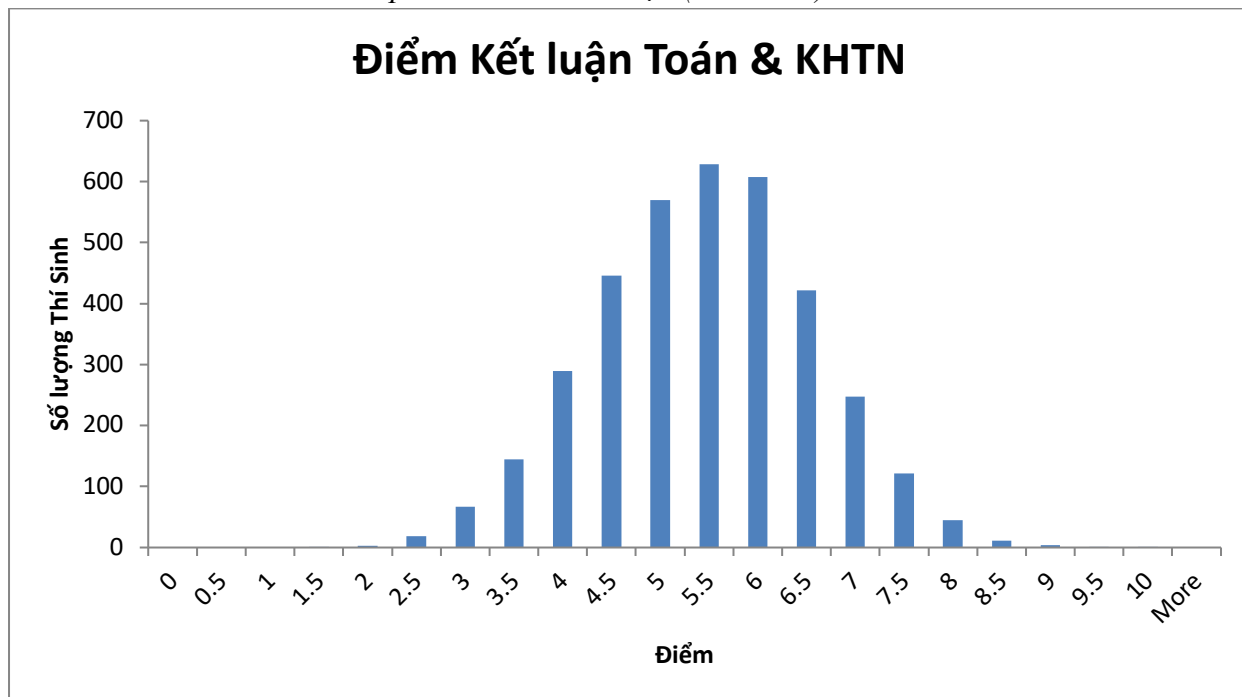
Bảng 2.1: Toán & KHTN (40 câu hỏi trắc nghiệm) - phân bố điểm kết luận (N = 3638)

Tổng số thí sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3638	1.5	9.75	5.33/10	5.75	1.11	0.00	-0.03

Bảng 2.2. Toán & KHTN - tần số các mức điểm kết luận (N = 3638)

Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS
0-0.5	0	5-5.5	629
0.5-1	0	5.5-6	608
1-1.5	1	6-6.5	422
1.5-2	3	6.5-7	247
2-2.5	19	7-7.5	121
2.5-3	67	7.5-8	45
3-3.5	145	8-8.5	11
3.5-4	289	8.5-9	4
4-4.5	446	9-9.5	1
4.5-5	570	9.5-10	1
Tổng cộng		3638	

Biểu đồ 2.1: Toán & KHTN - phân bố điểm kết luận (N = 3638)



Số liệu cho thấy đã có 3638 thí sinh thi môn Toán & KHTN. Phân bố điểm gần với phân bố chuẩn. Số liệu thống kê cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh và có độ phân loại năng lực thí sinh tốt.

3. ĐIỂM VĂN & KHXH 2018.04.22

3.1. Thống kê miêu tả điểm kết luận Văn & KHXH (Trắc nghiệm + Tự luận)

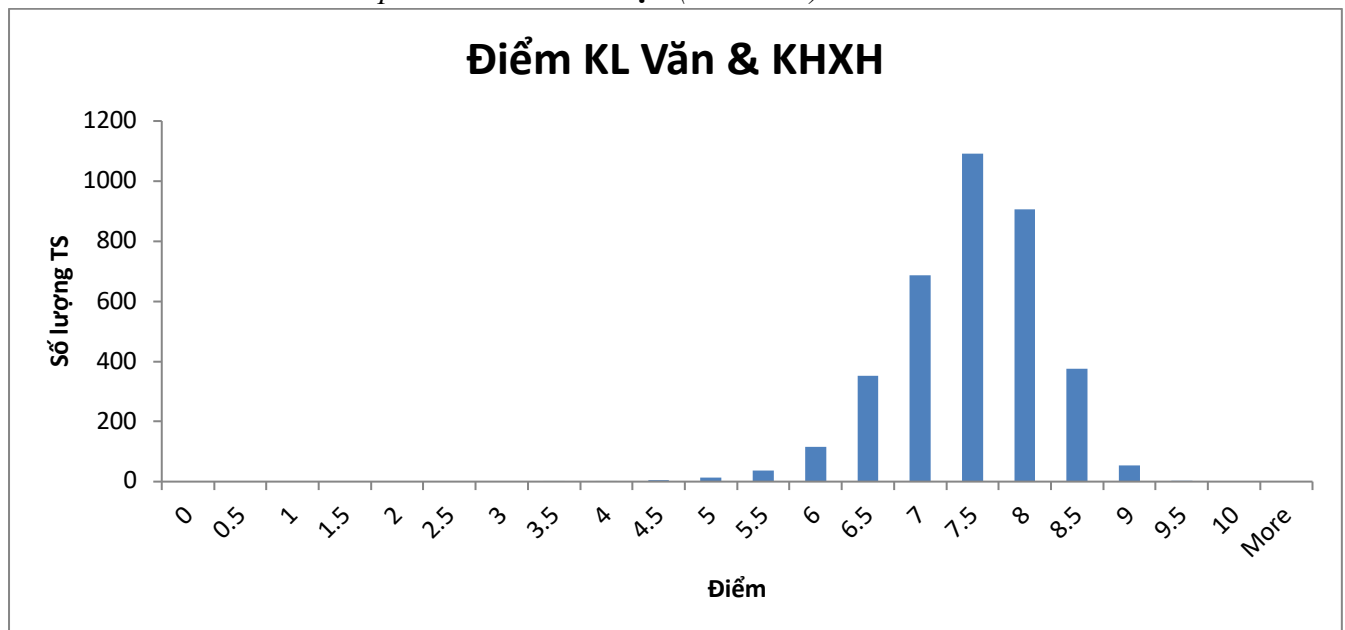
Bảng 3.1: Phân bố điểm kết luận Văn & KHXH (N = 3640)

Tổng số Thí Sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3640	3.5	9.25	7.34/10	7.5	0.69	-0.62	0.96

Bảng 3.2. Văn & KHXH - tần số các mức điểm **kết luận** (N = 3640)

Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS
0-0.5	0	5-5.5	37
0.5-1	0	5.5-6	116
1-1.5	0	6-6.5	352
1.5-2	0	6.5-7	687
2-2.5	0	7-7.5	1091
2.5-3	0	7.5-8	906
3-3.5	1	8-8.5	375
3.5-4	1	8.5-9	54
4-4.5	4	9-9.5	3
4.5-5	13	9.5-10	0
Tổng cộng			3640

Biểu đồ 3.1: Văn & KHXH - phân bố điểm **kết luận** (N = 3640)



Số liệu cho thấy đã có 3640 thí sinh thi môn Văn & KHXH. Phân bố điểm gần với phân bố chuẩn. Số liệu thống kê cho thấy đề thi nhìn chung hơi dễ hơn so với năng lực trung bình của thí sinh, và có xu hướng nhiều thí sinh đạt các mức điểm từ 5,5 đến 7,0.

3.2. Thống kê miêu tả điểm phần thi trắc nghiệm Văn & KHXH

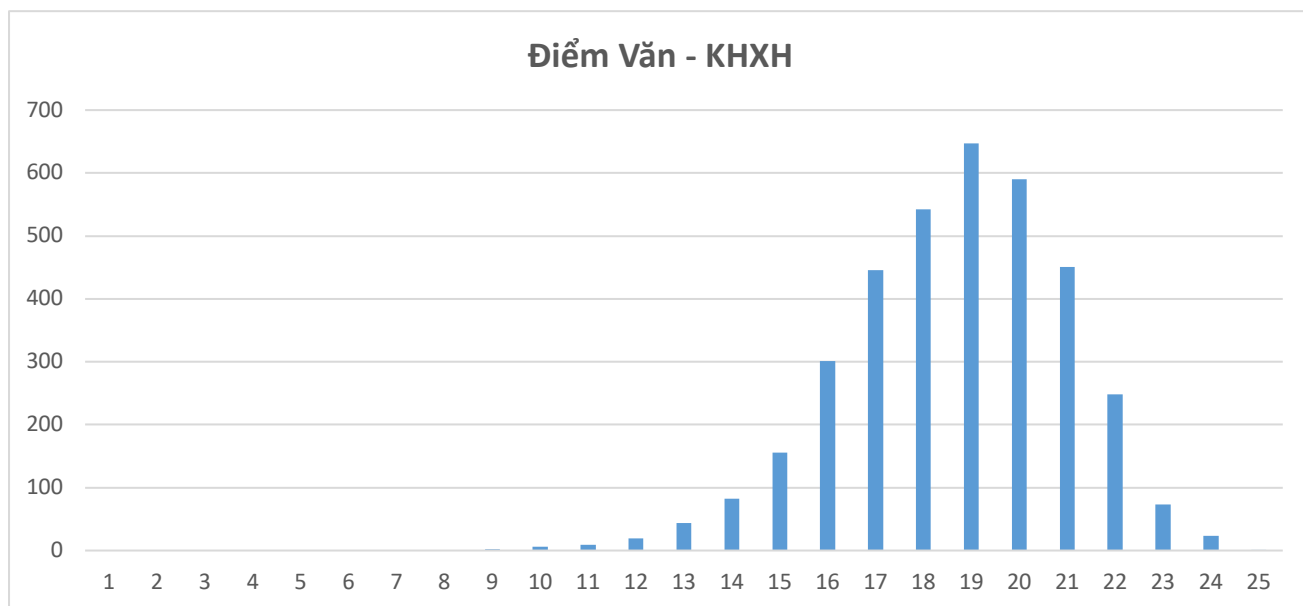
Bảng 3.3: Phân bố điểm phần thi trắc nghiệm môn Văn & KHXH (25 câu hỏi) (N = 3640)

Tổng số Thí Sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3640	9.00	25.00	18.65/25	19.00	2.304	-0.46	0.33

*Bảng 3.4. Văn & KHXH - tần số các mức điểm thô **trắc nghiệm** (N = 3640)*

Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS
9	2	18	542
10	6	19	647
11	9	20	590
12	19	21	451
13	44	22	248
14	82	23	73
15	156	24	23
16	301	25	1
17	446		
Tổng cộng		3640	

*Biểu đồ 3.2: Văn & KHXH - phân bố điểm thô **trắc nghiệm** (N = 3640)*



Phân bố điểm phần thi trắc nghiệm môn Văn & KHXH gần với phân bố chuẩn. Các số liệu thống kê cho thấy đề thi trắc nghiệm Văn & KHXH tương đối dễ hơn mức năng lực trung bình của thí sinh, nhưng có độ phân loại năng lực thí sinh tương đối tốt.

4. ĐIỂM TIẾNG ANH 2018.04.22 (THI TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN)

4.1. Thống kê miêu tả điểm kết luận môn Tiếng Anh

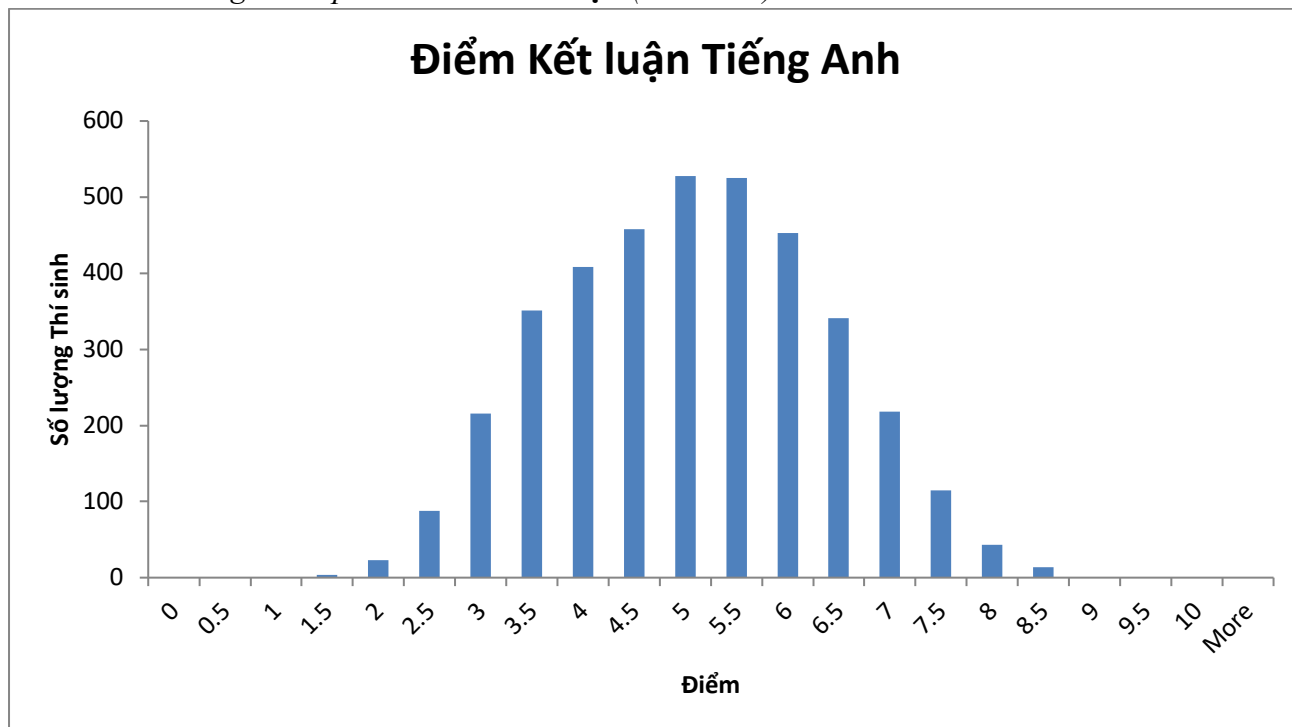
Bảng 4.1: Phân bố điểm kết luận môn Tiếng Anh (N = 3785)

Tổng số Thí Sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3785	1.3	8.45	4.85/10	5.2	1.29	0.04	-.55

*Bảng 4.2. Tiếng Anh - tần số các mức điểm **kết luận** (N = 3785)*

Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS
0-0.5	0	5-5.5	525
0.5-1	0	5.5-6	453
1-1.5	4	6-6.5	341
1.5-2	23	6.5-7	218
2-2.5	88	7-7.5	115
2.5-3	216	7.5-8	43
3-3.5	351	8-8.5	14
3.5-4	408	8.5-9	0
4-4.5	458	9-9.5	0
4.5-5	528	9.5-10	0
Tổng cộng			3785

*Biểu đồ 4.1: Tiếng Anh - phân bố điểm **kết luận** (N = 3785)*



Số liệu chỉ ra đã có 3785 thí sinh thi môn Tiếng Anh. Số liệu thống kê cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh và có độ phân loại năng lực thí sinh rất tốt.

4.2. Thống kê miêu tả điểm phần thi trắc nghiệm môn Tiếng Anh

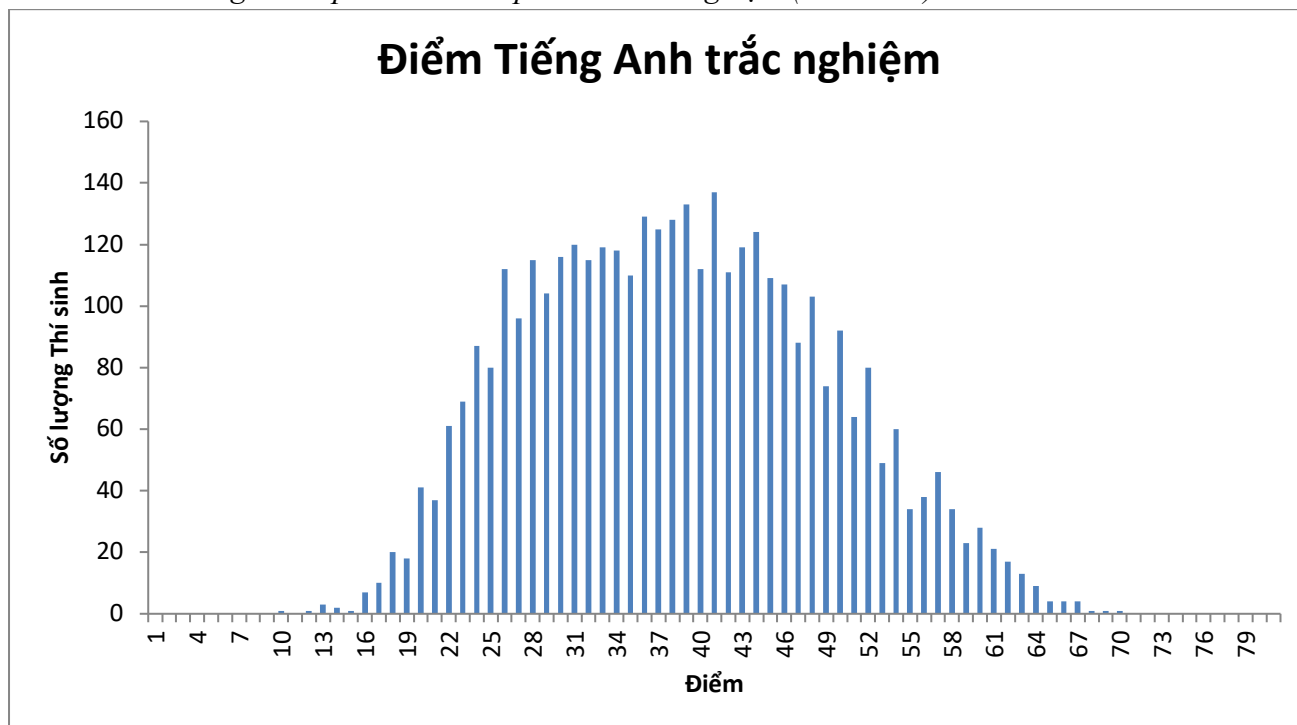
Bảng 4.3: Phân bố điểm phần thi trắc nghiệm môn thi Tiếng Anh (80 câu hỏi) (N = 3785)

Tổng số Thí Sinh	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Điểm trung bình	Điểm phổ biến nhất	Độ lệch chuẩn	Độ lệch (Skewness)	Độ nhọn (Kurtosis)
3785	10.00	70.00	38.45/80	41.00	10.57	0.20	-0.58

Bảng 4.4. Tiếng Anh - tần số các mức điểm trắc nghiệm (trên 80 câu hỏi) (N = 3785)

Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS	Mức điểm	Số lượng TS
1	0	21	37	41	137	61	21
2	0	22	61	42	111	62	17
3	0	23	69	43	119	63	13
4	0	24	87	44	124	64	9
5	0	25	80	45	109	65	4
6	0	26	112	46	107	66	4
7	0	27	96	47	88	67	4
8	0	28	115	48	103	68	1
9	0	29	104	49	74	69	1
10	1	30	116	50	92	70	1
11	0	31	120	51	64	71	0
12	1	32	115	52	80	72	0
13	3	33	119	53	49	73	0
14	2	34	118	54	60	74	0
15	1	35	110	55	34	75	0
16	7	36	129	56	38	76	0
17	10	37	125	57	46	77	0
18	20	38	128	58	34	78	0
19	18	39	133	59	23	79	0
20	41	40	112	60	28	80	0
Tổng cộng							3785

Biểu đồ 4.2: Tiếng Anh - phân bố điểm phần thi trắc nghiệm ($N = 3785$)



Phân bố điểm của phần thi trắc nghiệm môn Tiếng Anh gần với phân bố chuẩn. Các số liệu thống kê cho thấy đề thi Trắc nghiệm Tiếng Anh nhìn chung phù hợp với năng lực thí sinh và có khả năng phân loại năng lực thí sinh tốt.